

Bản án số: 11/2024/HS-ST.
Ngày: 28 – 3 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thái Dương Hồng Ngọc.

Ông Nguyễn Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

Họ và tên: **Phan Văn T** (tên gọi khác: Miêu); sinh ngày 01/01/1995; nơi sinh: Tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: **Ấp T, xã L, huyện M**; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phan Văn T1**, sinh năm 1955 (chết) và bà **Ngô Thị L**, sinh năm 1956 (sống); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/10/2010 bị **Ủy ban nhân dân huyện M** áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng, chấp hành xong vào ngày 01/08/2012 (đã được xóa tiền sự); bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 10/02/2024 cho đến nay (có mặt).

Họ và tên: **Nguyễn Văn N** (tên gọi khác: Ken); sinh ngày 04/12/2004; nơi sinh: Tại tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: **Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu**; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1987 (sống) và bà **Lê Thị T2**, sinh năm 1986 (sống); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp bị tạm giữ từ ngày 05/12/2023, chuyển tạm giam từ ngày 08/12/2023 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại:

1. Ông **Võ Hùng C**, sinh năm: 01/01/1966, địa chỉ: **ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

2. Ông **Bùi Văn C1**, sinh ngày 26/03/1969, địa chỉ: **ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Ngô Thị L**, sinh năm 1956, địa chỉ: **Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo **Nguyễn Văn N (K)**; **Nguyễn Văn K (B)** và bị cáo **Phan Văn T (M)** có mối quan hệ bạn bè với nhau.

Vào đêm ngày 04/12/2023 rạng sáng ngày 05/12/2023, **Phan Văn T** chủ động và rủ rê **Nguyễn Văn N** và **Nguyễn Văn K** cùng đi trộm cắp tài sản để kiếm tiền tiêu xài cá nhân thì **N** và **K** đồng ý. Cả 03 (ba) bị cáo đi bộ từ nhà của **T** dọc theo tuyến lộ đal thuộc **ấp T, xã L** để tìm kiếm tài sản để trộm, khi đến nhà của ông **Võ Hùng C** và ông **Bùi Văn C1** cùng **ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng** (nhà cạnh nhau), cả 03 bị cáo phát hiện có 03 chiếc xe mô tô gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 63R1-0673, 01 xe mô tô biển kiểm soát 64B1-67299 (của ông **C**) và 01 xe mô tô biển kiểm soát 95U1-1755 (của ông **C1**) đang đậu trước nhà không khóa cửa. Lúc này **K** vào nhà ông **Bùi Văn C1** lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 95U1-1755 dẫn ra ngoài sân và đưa lại cho **Nguyễn d** đi ra lộ, sau khi đưa xe cho **N** thì **K** tiếp tục vào nhà ông **Võ Hùng C** lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát xe 64B1- 672.99, đồng thời **Phan Văn T** lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 63R1-0673 (hai xe đậu cạnh nhau) cùng nhau dẫn ra lộ, cả 03 bị cáo lần lượt dẫn 03 xe mô tô vừa trộm được ra lộ đal cách hiện trường khoảng 300 đến 400 mét thì khởi động máy để tẩu thoát, tuy nhiên do xe mô tô biển kiểm soát 95U1-1755 không có chìa khóa nên không khởi động được nên **T** kêu Nguyễn bỏ lại. Sau đó **N** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64B1-672.99 và **T** chở **K** bằng xe mô tô biển kiểm soát 63R1-0673 tẩu thoát. Khi đến địa phận thành phố Cần Thơ, Nguyễn bị **Công an T3** chặn lại kiểm tra thì **N** khai nhận đã lấy trộm xe ở **xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**, nên **Công an T3** đã đưa **N** cùng tang vật bàn giao cho **Công an xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng** để điều tra làm rõ. Riêng **T** và **K** bỏ trốn đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 46/KL-HĐĐGTS, ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự năm 2023 thuộc **UBND huyện M** kết luận:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 63R1-0673, nhãn hiệu Honda số loại wave RSX màu sơn đỏ - đen mua xe cũ vào tháng 6 năm 2022 với giá 6.000.000 đồng

+ Giá khảo sát xe đã qua sử dụng: 5.200.000 đồng

+ Thành tiền: 5.200.000 đồng

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 64B1-672.99, nhãn hiệu ORIENTAL, loại SD110 xe wave Trung Quốc màu sơn xanh mua xe cũ vào ngày 11/7/2018 với giá 6.000.000 đồng

+ Giá khảo sát xe đã qua sử dụng: 3.000.000 đồng
+ Thành tiền: 3.000.000 đồng
- 01 xe mô tô biển kiểm soát 95U1-1755, nhãn hiệu DAMSEL, loại Future Trung Quốc màu sơn đen - xám mua xe cũ vào tháng 12 năm 2017 với giá 3.000.000 đồng

+ Giá khảo sát xe đã qua sử dụng: 1.600.000 đồng
+ Thành tiền: 1.600.000 đồng

Tổng giá trị tài sản (03 chiếc xe mô tô) được định giá là 9.800.000 đồng (Chín triệu, tám trăm ngàn đồng)

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-CT ngày 13/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo **Phan Văn T** (Miêu) và **Nguyễn Văn N (K1)** về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo theo điều luật như trên và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 50; điểm h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Phan Văn T** (Miêu). Xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 50; điểm h. i. s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Nguyễn Văn N** (Ken). Xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện M**, tỉnh Sóc Trăng đã tạm giữ tài sản, đồ vật gồm:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 63R1-0673, nhãn hiệu Honda - Wave RSX, màu đỏ - đen;

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 64B1-67299, nhãn hiệu ORIENTAL, loại xe Wave, màu xanh;

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 95U1-1755, nhãn hiệu DAMSEL, loại Future Trung Quốc, màu đen.

Sau khi làm rõ, Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện M** đã tiến hành trả lại cho chủ sở hữu (ông **Võ Hùng C** và ông **Bùi Văn C1**) nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại **Võ Hùng C** và **Bùi Văn C1** đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Văn N (K2)** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không có ý kiến hay khiếu nại gì

về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, thống nhất với kết luận định giá. Tại lời nói sau cùng bị cáo không có ý kiến gì.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo **Phan Văn T (M)** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, thống nhất với kết luận định giá. Tại lời nói sau cùng bị cáo không có ý kiến gì. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng, bị cáo chỉ là người thực hành, không phải là người rủ rê bị cáo **N, K** phạm tội.

Tại phiên tòa bị hại yêu cầu về trách nhiệm hình sự yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **huyện M**, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo **Phan Văn T** cho rằng bị cáo cùng với bị cáo **N, K** cùng nhau đi trộm cắp tài sản của bị hại **Võ Hùng C, Bùi Văn C1**. Bị cáo là người trực tiếp lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 63R1-0673 của ông **Võ Hùng C**, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, Tuy nhiên, bị cáo cho rằng bị cáo **N** là người trực tiếp rủ rê bị cáo và **K** đi trộm chứ không phải bị cáo. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa qua quá trình đối chất giữa bị cáo **N**, bị cáo **T** hai bị cáo đều thừa nhận tại nhà bị cáo **T**, sau khi nhận xong, bị cáo **T**, bị cáo **N** và **K** đang nằm trên võng tại nhà của **T** để thoả thuận là phù hợp về mặt không gian, thời gian, về số người tham gia. Mặt khác, tại lời khai ngày 21/12/2023; biên bản hỏi cung ngày 18/01/2024 (Bút lục 212 – 219) **Nguyễn Văn K** khai nhận trước khi đi trộm thì **T** có bàn bạc với **Nguyễn Văn N** và **Nguyễn Văn K** đi trộm xe để bán kiếm tiền xài, **T** là người rủ và phân công vai trò **T** nói: “Cấp này nhà anh bèo quá hai thằng mấy theo tao đi trộm, có cái gì lấy cái đó, nếu lấy được xe thì đem đi **S** bán cho nó có giá, để anh vào trước rồi hai thằng mầy vào sau, thằng nào vào trước thì lấy, thằng vào sau canh đường, ai lấy được cái gì thì lấy”; lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo **Nguyễn t** biên bản ghi lời khai ngày 05/12/2023, biên bản hỏi cung bị can ngày 08/12/2023, ngày 25/01/2024 (Bút lục 199 – 211) và lời khai tại phiên tòa. Mặc dù, bị cáo **N** và **K** là hai anh em ruột nhưng sáng ngày 05/12/2023 trên đường chạy về Cần Thơ, Nguyễn bị bắt và tạm giam, lời khai ban đầu **N** đã khai nhận do bị cáo **T** là người rủ rê, đến ngày 21/12/2023 thì mới bắt được **K** nên giữa **K** và bị cáo **N** không có sự thông cung nên lời khai của bị cáo **N** và **K** đảm bảo tính khách quan,

trung thực trong vụ án. Lời khai của các bị cáo cũng phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Hiện trường vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, bản kết luận số 46/KL-HĐĐGTS, ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự năm 2023 thuộc UBND huyện M, vật chứng của vụ án và phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định như sau: Tại nhà bị cáo T, bị cáo T có hành vi rủ rê bị cáo Nguyễn đ trộm cắp tài sản nên vào đêm ngày 04/12/2023 rạng sáng ngày 05/12/2023, bị cáo Phan Văn T (M), bị cáo Nguyễn Văn N (K) và Nguyễn Văn K đi trộm và lợi dụng sự thiếu quản lý tài sản của người khác, các bị cáo và K có hành vi lén lút chiếm đoạt 03 chiếc xe mô tô của bị hại Võ Hùng C và Bùi Văn C1 gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 63R1-0673 (Của ông C), 01 xe mô tô biển kiểm soát 64B1-672.99 (Của ông C) và 01 xe mô tô biển kiểm soát 95U1-1755 (Của ông C1). Tổng giá trị tài sản (03 chiếc xe mô tô) được định giá là 9.800.000 đồng (Chín triệu, tám trăm ngàn đồng). Do đó, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị là 9.800.000 đồng (Chín triệu tám trăm ngàn đồng) của các bị cáo Phan Văn T (M) và bị cáo Nguyễn Văn N (K) đã thực hiện phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Do đó, cáo trạng số 10/CT-VKS-CT ngày 13/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Phan Văn T (Miêu) và bị cáo Nguyễn Văn N (K) theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Cho nên, đối với các bị cáo cần phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc để các bị cáo có thời gian tâm đắc sửa chữa lỗi lầm, cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội, góp phần phòng chống tội phạm chung.

Tuy nhiên, trong vụ án này khi thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể, phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm gián đơn.

[6] Để cá thể hóa hình phạt của từng bị cáo, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Phan Văn T (Miêu): Trong vụ án này bị cáo là người khởi xướng, rủ rê và là người thực hành tích cực cụ thể bị cáo là người rủ bị cáo N, K đi trộm tài sản và bị cáo trực tiếp lấy trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 63R1-0673 của bị hại C. Mặt khác, bị cáo Phan Văn T (Miêu) có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 20/10/2010 bị UBND huyện M áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số

531/QĐ – UB – NC ngày 20/10/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo chấp hành xong vào ngày 01/8/2012 (đã xóa tiền sự); sau khi phạm tội bị cáo chưa thành khẩn khai báo, gây khó khăn trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử nên cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo nên cần có hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N (K): Trong vụ án này bị cáo là người thực hành tích cực cụ thể: Sau khi bị cáo T rủ đi trộm tài sản, bị cáo đồng ý ngay và khi K vào nhà ông Bùi Văn C1 lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 95U1-1755 dẫn ra ngoài sân và đưa lại cho bị cáo dẫn đi ra lộ, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64B1-672.99 để tẩu thoát nên cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo chưa tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện M đã thu giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 63R1-0673, nhãn hiệu Honda - Wave RSX, màu đỏ - đen; 01 xe mô tô biển kiểm soát 64B1-67299, nhãn hiệu ORIENTAL, loại xe Wave, màu xanh; 01 xe mô tô biển kiểm soát 95U1-1755, nhãn hiệu DAMSEL, loại Future Trung Quốc, màu đen. Sau khi làm rõ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã tiến hành trả lại cho chủ sở hữu (ông Võ Hùng C và ông Bùi Văn C1) nên không đặt ra xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, về hình phạt, việc áp dụng pháp luật, xử lý vật chứng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Văn K, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Văn K, Tuy nhiên, trong quá trình cấm đi khỏi nơi cư trú, Nguyễn Văn K bỏ trốn. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã ra quyết định tách vụ án số

212/QĐ-CSHSKTMT ngày 01 tháng 3 năm 2024 đối với hành vi của Nguyễn Văn K để tiếp tục điều tra, có căn cứ sẽ xem xét xử lý sau là có căn cứ,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn T (M) và bị cáo Nguyễn Văn N (K2) phạm Tội trộm cắp tài sản.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 50; điểm h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Văn T (Miêu).

Xử phạt bị cáo Phan Văn T (Miêu) 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/2024.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 50; điểm h. i. s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn N (Ken).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N (Ken) 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/12/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phan Văn T (M), bị cáo Nguyễn Văn N (Ken) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Căn cứ vào Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo; BH; NLQ
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- CQĐT CA huyện Mỹ Tú;
- Tổ hồ sơ nghiệp vụ CA huyện;
- Cơ quan THAHS CA huyện Mỹ Tú;
- Nhà tạm giữ CA huyện Mỹ Tú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thanh Hoa